

Bản án số: **80/2021/HS-PT**

Ngày: 19/01/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Vũ Thanh Liêm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thoa**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo: **Nguyễn Khắc T và đồng phạm** về tội “*Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*”. Do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 03-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 666/2021/QĐXXPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa:

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Khắc T; giới tính: Nam; sinh ngày: 01/7/1987 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT: tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kỹ thuật xây dựng; con ông: Nguyễn Khắc T và bà: Trần Thị M; có vợ: Bùi Thị Thu H, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa;

2. Họ và tên: Nguyễn Văn C (tên gọi khác: O); giới tính: Nam; sinh ngày: 16/6/1987 tại: Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT: tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc

tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Ngọc P và bà: Đào Thị P; có vợ: Lê Thị Thủy L; có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo

Ông Lại Đình T; sinh năm 1978; trú tại: Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Vào cuối năm 2015, Bùi Thị Thu H (sinh ngày 06/12/1985) tiến hành các thủ tục để thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ tư vấn đào tạo H. Ngày 23/10/2015, Bùi Thị Thu H được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với tên gọi là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ tư vấn đào tạo H (sau đây gọi là Công ty TNHH H). Trụ sở công ty đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và chủ sở hữu của công ty là: Bùi Thị Thu H. Công ty đã tiến hành đăng ký 37 ngành nghề kinh doanh, trong đó có mục kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Bùi Thị Thu H không tiến hành đăng ký kinh doanh lữ hành, quốc tế và nội địa tại Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh nhưng thông qua những người quen biết và mạng xã hội, H thông báo rằng Công ty có tuyển lao động phổ thông đi nước ngoài và tổ chức đưa người nhập cảnh vào Hoa Kỳ bằng con đường du lịch. Chính vì vậy một số người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài có con em muốn định cư tại Hoa Kỳ biết được công ty của H có thể tổ chức đưa người trốn qua Hoa Kỳ bằng con đường đi du lịch. Để tìm kiếm người trốn đi nước ngoài bằng con đường du lịch H đã liên lạc, móc nối với Nguyễn Văn C để C môi giới, tìm kiếm cho người có nhu cầu nhập cảnh vào định cư tại Hoa Kỳ, theo thỏa thuận với H, C sau khi tìm được người có nhu cầu thì có trách nhiệm hướng dẫn họ các thủ tục, giấy tờ để làm hồ sơ, thu tiền đặt cọc của họ rồi chuyển vào cho công ty TNHH H.

Đối với Nguyễn Khắc T: T là chồng của Bùi Thị Thu H, trong quá trình H tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài trái phép, T được H phân công trực tiếp gặp và hướng dẫn người có nhu cầu trốn đi nước ngoài các thủ tục để làm hồ sơ, trực tiếp nhận hồ sơ từ những người này hoặc do C chuyển đến. Cùng những người có nhu cầu trốn đi nước ngoài ký kết hợp đồng dịch vụ (hợp đồng do H soạn sẵn) thu nhận tiền và sử dụng tiền này cho các hoạt động nhằm cùng H đưa người khác trốn đi nước ngoài.

Trong tháng 12 năm 2018, H cùng các đồng phạm là T và C đã tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép như sau:

1- Trường hợp Lại Đình T:

Lại Đình T làm nghề lái xe taxi có bố đẻ là ông Lại Đình T, cả hai trú tại thôn T, xã V, huyện P, Thừa Thiên Huế và là người quen của Nguyễn Văn C trú tại xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 2018, Nguyễn Văn C lên mạng xã hội tìm kiếm và biết được Công ty TNHH H do Bùi Thị Thu H làm giám đốc có tổ chức cho người đi định cư tại Hoa Kỳ bằng con đường đi du lịch qua nhiều nước sau đó xin Visa nhập cảnh vào Hoa Kỳ. C tiến hành lấy số điện thoại và liên lạc làm quen, đến tháng 9 năm 2018, Nguyễn Văn C và H gặp nhau tại thành phố Hồ Chí Minh để bàn bạc. Qua bàn bạc thống nhất, C sẽ tìm kiếm, giới thiệu, nhận làm hồ sơ hộ cho những người có nhu cầu trốn đi Hoa Kỳ để định cư trái phép sau đó chuyển cho H. H sẽ tổ chức cho những người này trốn được đến Hoa Kỳ bằng cách tổ chức tour du lịch đi qua nhiều nước sau đó xin Visa nhập cảnh vào Hoa Kỳ. số tiền để đưa được một người đến Hoa Kỳ là 60.000 USD đến 70.000 USD (đô la Mỹ). Sau khi gặp và thống nhất với H, C đăng tải lên các tài khoản Zalo, facebook của cá nhân thông tin mình có nhận làm hồ sơ xuất cảnh đi các nước cho những người đi tìm cuộc sống mới. Ngày 20/12/2018, sau khi nghe một số người nói là C có làm hồ sơ xuất cảnh đi Hoa Kỳ và gia đình có nhu cầu để cho con trai là Lại Đình T định cư tại Mỹ, ông Lại Đình T đi xe máy đến nhà gặp C. Tại nhà mình C thông báo để ông T biết có nhận làm hồ sơ đi Hoa Kỳ định cư trái phép mức giá từ 55.000 USD đến 70.000 USD, hiện còn 02 vé VIP mức giá 70.000 USD, nếu ai đặt cọc tiền trước thì nhận để đi. C hướng dẫn ông T nếu làm hồ sơ để con trai là Lại Đình T đi thì phải đặt cọc trước cho C 5.000 USD, nộp cho C hộ chiếu, hộ khẩu phô tô có công chúng và 02 ảnh 5x5 cm. Đồng thời gia đình phải ra Ngân hàng X làm cho T 01 thẻ có số dư 5.000 USD và chuẩn bị thêm 10.000 USD để khi đi T cầm theo làm chi phí mua quốc tịch sang Hoa Kỳ. Ngày 21/12/2018, ông T cùng em trai đến nhà nộp cho C 5.000 USD tiền đặt cọc (C có viết giấy nhận tiền) và các giấy tờ để làm thủ tục.

Ngày 27/12/2018, Bùi Thị Thu H điện thoại báo cho C biết sẽ tổ chức cho T trốn đi Hoa Kỳ vào sáng ngày 29/12/2018 tại Sân bay Quốc tế Nội Bài. C liền điện báo cho ông T biết và thống nhất ngày 28/12/2018, C cùng T, ông T và bà Lan (mẹ của T) cùng ra Hà Nội để tiễn T đi. Sáng ngày 29/12/2018, C cùng tất cả đến Sân bay Nội Bài thì gặp thêm 03 người đi cùng với T đó là Lê Văn L, Văn Thị Diệu L và Trần T Đ (sở dĩ nhóm người này biết được nhau do trước đó H đã tạo nhóm Zalo và đưa số điện thoại, tên của những người này vào nhóm). Một lúc sau Lương Thị C đi đến bằng xe ô tô và dẫn cả nhóm 04 người này vào sân bay làm thủ tục xuất cảnh khỏi Việt Nam. (BL: 675-688)

2. Trường hợp Văn Thị Diệu L.

Quá trình điều tra L và T khai nhận: Vào khoảng tháng 10 năm 2018, một người cô ruột của L tên là Cúc trú tại Bang: Florida - Hoa Kỳ, liên lạc với L và nói rằng ở Việt Nam có công ty chuyên làm tour du lịch nhiều nước để làm Visa nhập cảnh vào Hoa Kỳ. Do có nhu cầu đến Hoa Kỳ để làm ăn nên L tiến hành tìm hiểu và biết được Công ty TNHH H có làm tour du lịch đi các nước sau đó đến Hoa Kỳ và trốn ở lại.

Tháng 12 năm 2018, L vào thành phố Hồ Chí Minh gặp Nguyễn Khắc T, qua bàn bạc L và T thống nhất Công ty TNHH H sẽ tổ chức đưa L trốn đi Hoa Kỳ bằng con đường du lịch với giá 70.000 USD. Sau khi ký hợp đồng dịch vụ L đã nộp cho T hộ chiếu, ảnh, gia đình L đã chuyển cho T 5.000 USD tiền đặt cọc đồng thời làm cho L một thẻ ngân hàng X có số dư là 5.000 USD và chuẩn bị cho L 10.000 USD tiền mặt để L mang theo khi xuất cảnh.

Ngày 28/12/2018, T báo cho L kế hoạch sẽ xuất cảnh vào ngày 29/12/2018 tại Sân bay Quốc tế Nội Bài nên L cùng Lê Văn L và mẹ ruột đi máy bay ra Hà Nội. Sáng ngày 29/12/2018, tại Sân bay Nội Bài L đã gặp những người cùng nhóm trốn đi nước ngoài trái phép (T và Đ), sau đó Lương Thị C đã làm thủ tục để cả nhóm xuất cảnh khỏi Việt Nam. (BL: 687-698)

3. Trường hợp Lê Văn L.

Quá trình điều tra L và T khai nhận: Đầu tháng 12 năm 2018, một người chị ruột của L tên là Lê Thị T (hiện đang định cư tại Hoa Kỳ) liên lạc với L, giới thiệu cho L người chuyên làm hồ sơ trốn đi Hoa Kỳ là Nguyễn Khắc T và cho L số điện thoại của T. Do có nhu cầu trốn đến làm ăn, định cư tại Hoa Kỳ nên L đã chủ động liên lạc và sau đó gặp T tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi gặp nhau cả hai thống nhất Công ty TNHH H sẽ tổ chức cho L trốn vào Hoa Kỳ bằng con đường đi du lịch với giá 70.000 USD. Sau khi ký hợp đồng dịch vụ. L đã nộp cho T 5.000 USD tiền cọc; 01 cuốn hộ chiếu và bản sao sổ hộ khẩu có công chứng.

Ngày 28/12/2019, L nhận được kế hoạch bay và cùng Văn Thị Diệu L đi ra Hà Nội.

Ngày 29/12/2018, L cùng nhóm trốn đi nước ngoài trái phép làm thủ tục xuất cảnh khỏi Việt Nam qua cửa khẩu ở Sân bay Quốc tế Nội Bài. (BL: 705-724)

4. Trường hợp Trần T Đ.

Quá trình điều tra Đ và T khai nhận: Tháng 11/2018, một người quen tại thành phố Hồ Chí Minh giới thiệu cho Đ biết Bùi Thị Thu H là người tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài và cho Đ số điện thoại của H. Do có nhu cầu trốn đến làm ăn, sinh sống tại Hoa Kỳ nên Đ đã sử dụng ứng dụng Zalo gọi điện cho H. Qua điện thoại Đ hỏi H “đi qua Mỹ thì như thế nào, đóng bao nhiêu tiền”, H trả lời là giá để đưa Đ đến trốn ở Hoa Kỳ là 50.000 USD đồng thời cam đoan sẽ đưa Đ đến Hoa Kỳ trong vòng 10 đến 15 ngày, sau đó H đưa cho Đ số điện thoại

của Nguyễn Khắc T để liên lạc. Ngày 18/12/2018, Đ vào thành phố Hồ Chí Minh và gặp T tại một khu chung cư,

T hướng dẫn Đ ký hợp đồng dịch vụ, yêu cầu Đ nộp 5.000 USD tiền cọc và để lại hộ chiếu để làm thủ tục xuất cảnh.

Ngày 28/12/2018, Nguyễn Khắc T liên lạc báo cho Đ biết sáng ngày 29/12/2018 sẽ tổ chức cho Đ trốn đi nước ngoài tại sân bay quốc tế Nội Bài và dẫn Đ liên lạc với Lương Thị C để C dẫn đi. Sáng ngày 29/12/2018, Đ đến sân bay quốc tế Nội Bài liên lạc và gặp được Lương Thị C cùng nhóm người đi cùng là L, T, L sau đó C đã làm thủ tục để tất cả xuất cảnh khỏi Việt Nam. (BL: 691-704)

Từ Sân bay quốc tế Nội Bài, nhóm Lại Đình T, Văn Thị Diệu L, Lê Văn L và Trần T Đ được Lương Thị C làm thủ tục bay đi Chi Lê trên chuyến bay khởi hành lúc 9 giờ ngày 29/12/2018. Đến sáng ngày 30/12/2019 cả nhóm đến sân bay Santiago của Chi Lê (sau khi quá cảnh tại Malaysia và A rập - Xê út) thì gặp Bùi Thị Thu H ra đón và đưa tất cả về một nhà trọ cách sân bay khoảng 1 giờ xe ô tô chạy. Tại Chi Lê, H có dẫn cả nhóm đi tham quan, du lịch một số nơi. Đến ngày 03/01/2019, Lương Thị C lên máy bay trở về Việt Nam còn nhóm T, L, L và Đ ở lại Chi Lê cùng Bùi Thị Thu H. H hứa hẹn với cả nhóm sẽ đưa tất cả vào Hoa Kỳ bằng con đường du lịch, sau đó thu của Lại Đình T, Văn Thị Diệu L, Nguyễn Văn L mỗi người 9.000 USD và thu của Trần T Đ 15.000 USD. Ngoài ra H còn điện thoại về Việt Nam yêu cầu Nguyễn Văn C thu của gia đình Lại Đình T 16.000 USD, thu xong thì chuyển vào cho Nguyễn Khắc T và yêu cầu gia đình của Văn Thị Diệu L chuyển vào cho T số tiền là 370.400.000 đồng. H thông báo cho cả nhóm biết đây là khoản tiền H thu để mua quốc tịch Chi Lê để sau đó nhập cảnh vào Hoa Kỳ.

Theo yêu cầu của H gia đình Lại Đình T (thông qua C) và Văn Thị Diệu L đã chuyển đầy đủ khoản tiền này cho T, sau đó T đã sử dụng số tiền này để trả tiền mua vé máy bay, đặt chỗ ở cho nhóm T, L, Đ, L và chuyển tiền qua tài khoản cho Bùi Thị Thu H để H sử dụng trong quá trình tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài.

Ngày 11/01/2019, H mua vé cho cả nhóm bay đến Ecuador và dẫn tất cả đến ở tại một khu chung cư, tại Ecuador H cũng đã đưa cả nhóm đi tham quan du lịch một số điểm. Sáng ngày 25/01/2019, H mua vé và thuê một người nước ngoài dẫn T và L ra sân bay đến Cu Ba, còn Đ và L vẫn ở lại Ecuador cùng H.

Ngày 26/01/2019, T và L đến sân bay ở thủ đô Cu Ba và được một người nước ngoài đón và đưa về ở nhà một người dân ở thủ đô Cu Ba, người này đã thu của Lại Đình T 1.000 USD. T và L ở Cu Ba đến ngày 22/02/2019, do H nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện việc đưa T, L vào Hoa Kỳ, người nước ngoài dẫn T, L đến ở trọ đã bỏ đi không liên lạc được và gần hết hạn lưu trú tại Cu ba nên T,

L đã liên hệ với Đại sứ quán Việt Nam tại Cu Ba để nhờ hướng dẫn, giúp đỡ mua vé quay về Việt Nam (2.000 USD/ 01 vé).

Trưa ngày 25/02/2019, T và L rời khỏi Cu Ba và nhập cảnh về Việt Nam vào ngày 26/02/2019 qua Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.

Đối với L và Đ cả hai ở cùng H tại Ecuador, đến ngày 25/02/2019 nhưng H không thực hiện được việc đưa L và Đ nhập cảnh vào Hoa Kỳ. Do H hứa hẹn nhiều lần nhưng thất hứa nên sáng ngày 25/02/2019, L tự ý mua vé máy bay quay về Việt Nam, riêng Đ tiếp tục ở lại đến đầu tháng 4 năm 2019, thấy H không đưa được mình vào Hoa Kỳ nên yêu cầu H mua vé để Đ quay về Việt Nam. Ngày 01/4/2019, H mua vé cho Đ bay về Việt Nam và Đ đã quay về Việt Nam vào ngày 02/4/2019 qua Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.

Sau khi vụ án bị phát hiện, để trốn tránh sự trừng trị của pháp luật, Bùi Thị Thu H bỏ trốn khỏi địa phương. Vì vậy, ngày 14/11/2019 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành truy nã đối với Bùi Thị Thu H. Do không ảnh hưởng đến việc truy tố, xét xử các bị can còn lại trong vụ án nên Cơ quan An ninh điều tra đã tách hành vi phạm tội của H thành vụ án riêng và tiến hành truy bắt, xử lý sau.

Đối với Lương Thị C: Quá trình điều tra C khai nhận quen biết H từ năm 2017, do H có liên hệ với công ty X (trụ sở Hà Nội) để gửi nhờ giải quyết thủ tục cho một số trường hợp đi du học và du lịch. Lúc này C là nhân viên công ty nên được công ty phân công giải quyết các trường hợp này vì vậy quen biết H. Năm 2017 C có cho H vay số tiền 46 triệu đồng và đã đòi nhiều lần nhưng H chưa trả. Ngày 23/12/2018, H điện cho C hỏi “Có đi Chi Lê tráng hộ chiếu không” (tức đi du lịch nhiều nước để tăng khả năng xin Visa vào các nước phát triển) và H nói sẽ trả nợ cho C bằng cách mua vé đi và về từ Hà Nội - Chi Lê cho C. Do có nhu cầu đi tráng hộ chiếu nên C đồng ý.

Ngày 27/12/2018, H điện cho C báo lịch bay đi Chi Lê là vào sáng ngày 29/12/2018 và đi cùng 04 người cũng đi tráng hộ chiếu như C, đồng thời nhờ C dẫn đoàn đến Chi Lê. Sau đó H lập nhóm Zalo để mọi người trong nhóm liên lạc với nhau. Sáng ngày 29/12/2018, C đã ra Sân bay Quốc tế Nội Bài dẫn nhóm 04 người này làm thủ tục bay đi Chi Lê theo yêu cầu của H. Tại Chi Lê sau khi gặp H, C có ở lại đi tham quan du lịch 02 ngày sau đó bay về Việt Nam, còn nhóm 04 người đi cùng C ở lại với H. Quá trình liên lạc, làm thủ tục xuất cảnh và dẫn đoàn đi Chi Lê, C không biết việc H tổ chức cho T, L, L và Đ đi du lịch qua nhiều nước nhằm mục đích xin Visa vào Hoa Kỳ, sau đó trốn ở lại nên không đủ căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lương Thị C.

* về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra đã tạm giữ các vật chứng gồm:

- 01 (một) điện thoại di động (đã qua sử dụng), loại Iphone 8 plus, số máy MQ922LL/A; số sê ri FD2V943QJCM4; số IMEI 356772080 724978; màu vàng.

- 01 (một) điện thoại di động (đã qua sử dụng), loại OPPO F1S; số IMEI 1: 863069038557410; số IMEI 2: 863069038557402; màu vàng.

- 01 (một) điện thoại di động (đã qua sử dụng), loại Iphone X; số máy MQAR2LL/A; số sê ri F180104JJCLJ; số IMEI 353040099790353; màu trắng.

- 01 (một) điện thoại di động (đã qua sử dụng), loại Iphone, màu xám đen; số IMEI 353300074569762; số sê ri FCFSK03RHFLX.

- 01 (một) máy tính xách tay (đã qua sử dụng), hiệu ASUS A42J.

- 01 lá cờ Hoa Kỳ, kích thước 13,5cm.

- 01 (một) máy in (đã qua sử dụng), hiệu LaserJet HP P1006 (kèm dây cáp)

- 01 (một) con dấu màu đỏ, phía trên mặt dấu có in dòng chữ “ĐÃ THU TIỀN”.

- 01 (một) lá cờ Hoa Kỳ, kích thước 13,5cm.

* về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan An ninh điều tra đã tách vật chứng kèm hồ sơ vụ án theo Quyết định tách vụ án đối với bị can Bùi Thị Thu H là: 01 (một) điện thoại di động (đã qua sử dụng), loại Iphone X số máy MQAR2LL/A; số sê ri F180104JJCLJ; số IMEI 353040099790353; màu trắng.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 01/4/2020, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Khắc T và Nguyễn Văn C về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” theo khoản 1, Điều 349 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Khắc T và Nguyễn Văn C phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo: Nguyễn Khắc T 03 năm 06 tháng (ba năm sáu tháng) tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo: Nguyễn Văn C 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản còn quyết định về phần, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Khắc T, Nguyễn Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lại Đình T có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các bị cáo Nguyễn Khắc T và bị cáo Nguyễn Văn C, kháng cáo xin được hưởng án treo, ông Lại Đình T kháng cáo yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C trả lại số

tiền 21.000 USD, tương ứng 483.000.000 đồng tiền Việt Nam mà bị cáo đã nhận của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo và ông T giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Khắc T vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ hai, đồng thời bị cáo có nộp bổ sung một bản sao Huy chương mang tên ông Nguyễn Khắc Toán là bố của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn C trình bày lý do kháng cáo như sau: Do bị cáo tiếp nhận thông tin từ Bùi Thị H Giám đốc Công ty H là một doanh nghiệp có làm hồ sơ thủ tục xuất cảnh sang Hoa Kỳ, do bà H thông báo công khai trên mạng xã hội nên ban đầu bị cáo không nhận thức được việc đi nước ngoài như thế là vi phạm pháp luật, sau khi bị khởi tố, điều tra mới biết việc giới thiệu, làm môi giới trường hợp Lại Đình T cho bà H, ông T là trái pháp luật nên Tòa án xét xử là không oan ức gì, tuy nhiên do hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, nuôi 03 đứa con còn đại, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chỉ giới thiệu giúp cho anh T, không hề hưởng lợi gì, nên xin được hưởng án treo để giúp đỡ gia đình.

Ông Lại Đình T trình bày: Do có nhu cầu cho con được định cư ở Hoa Kỳ nên ông T đã đến gặp trực tiếp Nguyễn Văn C, theo lời giới thiệu của C, ông T đã nộp hồ sơ và sau đó giao số tiền 21.000USD cho C làm hồ sơ cho con trai của ông là anh Lại Đình T đi ra nước ngoài để nhập cư vào Hoa Kỳ. Nay anh T không đi được, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, ông yêu cầu Nguyễn Văn C phải trả lại số tiền nói trên cho gia đình ông.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như kháng cáo của ông Lại Đình T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy:

[1]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã xác định, tóm tắt nội dung hành vi phạm tội như sau: Bùi Thị Thu H là chủ Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tư vấn đào tạo H (gọi tắt là Công ty H) có trụ sở tại B9 đường D1, phường Tân Thới

Nhất, quận 12 thành phố HCM. Theo thông báo của H trên mạng xã hội và cho một số người quen biết là Công ty có tuyển dụng lao động phổ thông đi nước ngoài và nhập cảnh vào Hoa Kỳ. H đã chỉ huy Đối với Nguyễn Khắc T là chồng của H tham gia tìm kiếm, móc nối những người có nhu cầu nhập cảnh vào Hoa Kỳ để tổ chức cho họ đi du lịch hợp pháp, sau khi qua nhiều nước thì sẽ nhập cảnh vào Hoa Kỳ rồi tìm cách ở lại Hoa Kỳ nhằm thu lợi. Cụ thể đối với Nguyễn Khắc T cùng với thủ đoạn trên đã liên lạc móc nối làm hồ sơ và nhận tiền để đưa Văn Thị Diệu L, Lê Văn L và Trần T Đ ra nước ngoài. Còn Bùi Thị Thu H liên lạc với Nguyễn Văn C để tìm người có nhu cầu, mong muốn nhập cư vào Hoa Kỳ, Nguyễn Văn C đã đăng tải, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội nên ông Lại Đình T ở thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế biết được, nên ông T đã liên lạc, đến nhà của C để trao đổi và thống nhất về chi phí và thực hiện các thủ tục cho anh Lại Đình T con của ông T đi Hoa Kỳ. Ngày 20/12/2018 ông T đến gặp C và thống nhất giá cả làm hồ sơ cho T trốn sang Hoa Kỳ với giá 70.000 USD, ngày 21/12/2018 ông T đưa trước cho C số tiền 5.000 USD gọi là tiền cọc và một số giấy tờ như hộ chiếu, bản sao hộ khẩu và ảnh của T. Đồng thời yêu cầu ông T phải đến ngân hàng X làm cho T một thẻ tiền gửi có số dư 5.000 USD. Số tiền C nhận của ông T 2 đợt, tổng cộng 21.000 USD tương ứng số 487.980.000đ Việt Nam, sau khi nhận tiền, theo yêu cầu của Bùi Thị Thu H, C đã chuyển hết số tiền 486.550.000đ cho Nguyễn Khắc T, còn giữ lại 1.430.000đ.

Sau đó Bùi Thị Thị H báo cho C biết ngày 29/12/2018 T sẽ xuất cảnh. Ngày 28/12/2018 gia đình ông T đã đưa T ra sân bay Quốc tế nội bài cùng đi với một số người khác gồm Lê Văn L, Văn Thị Diệu L và Trần T Đ.

Sau một thời gian xuất cảnh, nhưng không nhập cảnh vào Hoa Kỳ được nên T, L, L và Đ đã trở về lại Việt Nam.

Đối với Bùi Thị Thu H có hành vi chủ mưu, cầm đầu trong vụ án nhưng hiện đã bỏ trốn, đang bị truy nã chưa xét xử trong vụ án này.

[2]. Xem xét kháng cáo xin được hưởng án treo, của bị cáo Nguyễn Khắc T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyễn Khắc T là chồng của Bùi Thị Thu H chủ Công ty H. Theo sự chỉ huy của H, T đã trực tiếp liên hệ và thỏa thuận với 03 người gồm Văn Thị Diệu L, Lê Văn L và Trần T Đ là những người có nhu cầu nhập cảnh vào Hoa Kỳ, cùng với Bùi Thị Thu H, T đã tổ chức cho những người nêu trên bỏ trốn ra nước ngoài trái phép, do chưa bắt được H nên bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án này, qua vụ án, xét hành vi bị cáo có vai trò đồng phạm tích cực cho Bùi Thị Thu H, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, hành vi và hậu quả của tội phạm, điều kiện nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đã áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự Xử

phạt bị cáo Nguyễn Khắc T 3 năm 6 tháng tù. Xét thấy, hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự trị an xã hội và trật tự hành chính, quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh. Bị cáo có vai trò tích cực trong vụ án, đã trực tiếp liên lạc, móc nối và tổ chức cho 03 trường hợp trốn ra nước ngoài, nhận và hưởng lợi số tiền bất chính rất lớn, sau khi phạm tội cho đến nay cũng chưa nộp lại số tiền thu lợi bất chính mà Bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Tại phiên tòa phúc thẩm tuy bị cáo có nộp bổ sung tài liệu chứng minh được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng với vai trò, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Khắc T Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt mức án trên ba năm tù nên không có đủ điều kiện để được hưởng án treo, theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/ 2018/ NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên biện pháp chấp hành hình phạt tại Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Khắc T.

[3]. Xem xét kháng cáo xin được hưởng án treo, của bị cáo Nguyễn Văn C xét thấy, trong vụ án bị cáo C tiếp nhận thông tin từ Bùi Thị Thu H, sau đó bị cáo đã có hành vi thông tin, giới thiệu và làm môi giới trường hợp Lại Đình T cho H, theo sự chỉ đạo của H, bị cáo đã thống nhất với ông Lại Đình T để lập các thủ tục hồ sơ cho Lại Đình T là người có nhu cầu xuất cảnh, nhập cư tại Hoa Kỳ, đồng thời bị cáo đã trực tiếp nhận tiền của ông T để chuyển cho T thông qua Công ty H của Bùi Thị Thu H. Như vậy, bị cáo C đã có hành vi môi giới nhằm giúp cho H, T tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, do vậy bị cáo có vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C một năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, xem xét về biện pháp chấp hành hình phạt thấy rằng, bị cáo C chỉ là người môi giới một trường hợp, có vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, bị cáo không hưởng lợi gì trong vụ án, sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp lại số tiền thu lợi 1.430.000đồng (thực chất là tiền chênh lệch do hoán đổi USD sang tiền Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền cho Công ty H) và án phí sơ thẩm nên cũng được xem là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự, xét bị cáo bị phạt tù dưới 03 năm, có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, không gây nguy hiểm gì cho xã hội và ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, với những nhận định nêu trên và xét tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại cộng đồng cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/ 2018/ NQ-

HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, sửa Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

[4]. Xem xét kháng cáo của ông Lại Đình T về việc cho rằng bị cáo C đã có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản, yêu cầu Tòa án buộc bị cáo C bồi thường lại 21.000USD tương ứng 483.000.000đ tiền Việt Nam cho ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Nhằm mục đích cho con trai là Lại Đình T trốn sang nhập cư vào Hoa Kỳ, ông T đã chủ động đến gặp C để thống nhất về điều kiện, cách thức làm hồ sơ, giao tiền và các thủ tục cần thiết cho bị cáo C, theo Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 01/4/2020 cũng đã xác định hành vi đó của ông T là trái pháp luật, tuy nhiên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc sử dụng tiền của ông T vào mục đích cho con trai trốn ra nước ngoài trái phép buộc ông T phải nhận thức rõ là trái pháp luật nhưng đã sử dụng vào mục đích đó và tự nguyện đưa tiền cho C, sau khi nhận tiền theo yêu cầu của Bùi Thị Thu H, bị cáo C đã chuyển hết số tiền đã nhận của ông T cho bị cáo T, đây là số tiền mà ông T đã sử dụng vào việc phạm tội, tại Bản án sơ thẩm đã căn cứ quy định tại các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đã xử buộc bị cáo Nguyễn Khắc T nộp lại toàn bộ số tiền 1.205.4000.000đ, trong đó có số tiền của ông T sử dụng trái pháp luật trong vụ án, để sung công quỹ là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lại Đình T.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Khắc T và ông Lại Đình T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, điểm b Khoản 1; Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Khắc T và không chấp nhận kháng cáo của ông Lại Đình T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kháng cáo về việc yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 21.000USD tương ứng 483.000.000đ tiền Việt Nam. Giữ nguyên phần quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Khắc T.

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn C, sửa phần biện pháp chấp hành hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo: Nguyễn Khắc T 03 năm 06 tháng *(ba năm sáu tháng)* tù về tội “*Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/ 2018/ NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử phạt: Bị cáo: Nguyễn Văn C 01 (một) năm tù, về tội “*Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

4. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án treo.

UBND xã, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Văn C trong thời gian chấp hành án treo, trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Khắc T phải chịu 200.000 đồng án phí, ông Lại Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí; bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu án phí phúc thẩm.

6. Các quyết định khác về xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi